TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **113**/2024/HN&GĐ-ST
Ngày: 27-8-2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đức Binh.

2/ Ông Lê Hoàng Phúc.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2024/TLST-HN&GĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2024/QĐXXST-HN&GĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ánh N, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 9, khu phố 2, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Phạm Tài Th, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số nhà 01, đường Hai Bà Trưng, khu phố 2, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh Th quen biết nhau và tìm hiểu nhau được 02 năm, tự nguyện yêu thương nhau và đã kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dt, huyện Đức Linh, có tổ chức lễ cưới; sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung tại số 01 Hai Bà Trưng, khu phố 2, thị trấn Dt; cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến năm 2017-2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th nhậu nhẹt say xỉn về đánh đập chị N và con; chị N và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn mà anh Th không thay đổi nên chị N đã quyết định ly thân anh Th và chị N đã về nhà cha mẹ ruột của chị N để sinh sống cho đến

hôm nay; chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Th nữa, mâu thuẫn thật sự trầm trọng, nên chị N kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh Phạm Tài Th.

Về con chung: Chị N và anh Th có với nhau 01 con chung tên Phạm Lê Thanh T1, sinh ngày 12/4/2008. Sau khi ly hôn thì chị N yêu cầu Tòa án giao quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo nguyện vọng của con chung, nếu con chung có nguyện vọng sống chung với chị N thì chị N không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Anh Th và chị N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đã kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dt, huyện Đức Linh, có tổ chức lễ cưới; sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung tại số 01 Hai Bà Trưng, khu phố 2, thị trấn Dt; cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến năm 2017-2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do quen biết chỗ tiền bạc, chị N tiêu xài để xảy ra nợ nần, vợ chồng cải vã và chị N bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống hơn 01 tháng nay; anh Th xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị N, nên anh Th không đồng ý ly hôn chị N.

Về con chung: Anh Th và chị N có với nhau 01 con chung tên Phạm Lê Thanh T1, sinh ngày 12/4/2008. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Th yêu cầu Tòa án giao quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo nguyện vọng của con chung, nếu con chung có nguyện vọng sống chung với anh Th thì anh Th không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn và nợ: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Ánh N ly hôn Phạm Tài Th.

2. Về con chung: Giao cho chị N quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Phạm Lê Thanh T1, sinh ngày 12/4/2008.

3. Ghi nhận ý kiến của chị N về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung.

Buộc chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Lê Thị Ánh N khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn Phạm Tài Th; bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 2, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 122 đăng ký ngày 09/07/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dt, huyện Đức Linh thì có cơ sở để khẳng định chị N và anh Th tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Th được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị N và anh Th sống chung với nhau như vợ chồng được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị N và anh Th là do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về tiền bạc và bạo lực gia đình; qua hòa giải và tại phiên tòa chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết ly hôn anh Th.

Đối với anh Th đã biết việc chị N có yêu cầu ly hôn anh, Tòa án cũng đã cho anh thời gian để tác động để chị N rút lại yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn anh Th.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Th đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân

và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Th.

[3.2] Về con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 129 đăng ký ngày 20/5/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dt, huyện Đức Linh thì có cơ sở khẳng định cháu Phạm Lê Thanh T1, sinh ngày 12/4/2008 là con chung của chị N và anh Th. Sau khi ly hôn, anh Th và chị N đều thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung theo nguyện vọng của con chung.

Tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."

Tại thời điểm giải quyết ly hôn giữa chị N và anh Th thì cháu Thanh T1 trên 7 tuổi, theo bản khai lập ngày 11/7/2024 tại Tòa án thì cháu Thanh T1 thể hiện nguyện vọng được sinh sống với chị N; nhận thấy, chị N có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định, mặt khác, cháu Thanh T1 là cháu gái nên việc sống chung với mẹ sẽ giúp tâm sinh lý của cháu phát triển tốt hơn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị N quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại khoản Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình khởi kiện cũng như tại phiên tòa, chị N không yêu cầu anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Tuy nhiên, vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết

01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ánh N.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ánh N ly hôn anh Phạm Tài Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 122 đăng ký ngày 09/07/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dt, huyện Đức Linh giữa chị Lê Thị Ánh N và anh Phạm Tài Th hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Ánh N quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Phạm Lê Thanh T1, sinh ngày 12/04/2008; Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa Th niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp về tài sản và nợ chung trong vụ án này.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Ánh N phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0004462 ngày 08/5/2024. Chị Lê Thị Ánh N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/8/2024); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND TT. Dt;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận